

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày: 12/9/2018
Về" tranh chấp về thừa kế tài sản "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành;

Ông Trần Trục.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên Tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2017 về **"*Tranh chấp về thừa kế tài sản*"** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-DS ngày 15/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ

Địa chỉ: xã Diên Hòa, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.

Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ng

Địa chỉ: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Nguyễn Thị Đ, Hộ khẩu thường trú: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa; địa chỉ xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa (văn bản ủy quyền lập ngày 17/10/2017)

Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: bà Nguyễn Thị Đ, Hộ khẩu thường trú: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa; địa chỉ: xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa (văn bản ủy quyền lập ngày 17/10/2017). Có mặt.

Bà Nguyễn Thị O – sinh năm 1961

Người đại diện theo ủy quyền của bà O: bà Nguyễn Thị Đ, Hộ khẩu thường trú: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa; địa chỉ: xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa (văn bản ủy quyền lập ngày 17/10/2017). Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Đ

Địa chỉ: xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Thu Nh

Địa chỉ: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Thanh H

Địa chỉ: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Nhung H

Địa chỉ: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Ông Nguyễn Thanh H

Địa chỉ: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo yêu cầu khởi kiện ngày 31/3/2017, đơn sửa đổi bổ sung ngày 24/4/2017, bản tự khai ngày 24/5/2017; Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Cha mẹ ông là cụ ông Nguyễn Đ (mất năm 2005) và cụ bà Lê Thị Ch (mất năm 2003) có 07 người con gồm:

1. Nguyễn Văn Ng (mất năm 2004);
2. Nguyễn Văn Đ;
3. Nguyễn Văn Ngh;
4. Nguyễn Thị O;
5. Nguyễn Thị Đ;
6. Nguyễn Thị T;
7. Nguyễn Văn T (chết năm 2011 và chưa có vợ con).

Ông Nguyễn Văn Ng có vợ là Nguyễn Thị Thu N, các con: Nguyễn Thị Nhung H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thanh H.

Cha mẹ ông qua đời để được khối tài sản như sau:

- Thửa số 309, tờ bản đồ 02 tại xã Diên Lạc, diện tích 172m² (trong đó có 127 m² đất thổ cư, 45 m² đất CLN), thực tế đo vẽ là 205,7 m²;
- Đất 2L thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 06, diện tích 825 m²;
- Đất 2L thuộc thửa số 304, tờ bản đồ số 06, diện tích 255 m².

Các thửa đất trên đã được ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00697 ngày 15/6/1998 đứng tên ông Nguyễn Đ và Lê Thị Ch.

Khi cha mẹ ông còn sống thì chưa chia đất cho các con. Năm 2003, mẹ ông chết và đến năm 2005 cha ông chết đều không để lại di chúc. Nay ông chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản của cha mẹ ông là ông Nguyễn Đ và bà Lê Thị Ch để lại đối với thửa 309 nói trên theo quy định của pháp luật. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, móng đá, nền xi măng, tường xây gạch dày 100 + 200, nhà quét vôi, cửa gỗ,

mái ngói, có vệ sinh, diện tích xây dựng 69,9 m²; Sân lát xi măng diện tích xây dựng 35,1 m²; 01 giếng khoan. Phần đất 2L ông không có yêu cầu gì. Phần tài sản của ông nhận được, ông sẽ giao lại cho em ông là bà Nguyễn Thị Đ. Cha mẹ ông không có con riêng hay con nuôi. Ông bà nội ngoại đã mất từ lâu.

** Tại bản tự khai ngày 24/5/2017 của bị đơn Nguyễn Văn Ngh; trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn Ngh là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Cha mẹ ông là ông Nguyễn Đ (mất năm 2005) và bà Lê Thị Ch (mất năm 2003) có các người con như nguyên đơn Nguyễn Văn Đ trình bày. Cha mẹ ông có để lại tài sản như ông Nguyễn Văn Đ Trình bày. Nay ông Đ yêu cầu chia tài sản thừa kế là thửa đất 309 tờ bản đồ số 02 xã Diên Lạc, diện tích 172 m² (thực tế đo vẽ là 205,7 m²) nói trên và tài sản có trên đất thì ông hoàn toàn nhất trí. Phần tài sản ông được nhận ông giao lại cho em ông là bà Nguyễn Thị Đ. Đối với đất 2L thuộc thửa số 04, 304 tờ bản đồ số 06, ông không có yêu cầu. Cha mẹ ông không có con riêng hay con nuôi. Ông bà nội ngoại đã mất từ lâu.

** Tại bản tự khai ngày 25/5/2017 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T; trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Đ (mất năm 2005) và bà Lê Thị Ch (mất năm 2003) có các người con như nguyên đơn Nguyễn Văn Đ trình bày. Cha mẹ bà có để lại tài sản như ông Nguyễn Văn Đ trình bày. Nay ông Đ yêu cầu chia tài sản thừa kế là thửa đất 309 tờ bản đồ số 02 xã Diên Lạc, diện tích 172 m² (thực tế đo vẽ là 205,7 m²) nói trên và tài sản có trên đất thì bà hoàn toàn nhất trí. Phần tài sản bà được nhận bà yêu cầu được nhận tiền. Giao tài sản cho bà Nguyễn Thị Đ. Đối với đất 2L thuộc thửa số 04, 304 tờ bản đồ số 06, bà không có yêu cầu. Cha mẹ bà không có con riêng hay con nuôi. Ông bà nội ngoại đã mất từ lâu.

** Tại bản tự khai ngày 24/5/2017 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị O; trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bà Tuyết là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Đ (mất năm 2005) và bà Lê Thị Ch (mất năm 2003) có các người con như nguyên đơn Nguyễn Văn Đ trình bày. Cha mẹ bà có để lại tài sản như ông Nguyễn Văn Đ Trình bày. Nay ông Đ yêu cầu chia tài sản thừa kế là thửa đất 309 tờ bản đồ số 02 xã Diên Lạc, diện tích 172 m² (thực tế đo vẽ là 205,7 m²) nói trên và tài sản có trên đất thì bà hoàn toàn nhất trí. Phần tài sản bà được nhận bà giao cho bà Nguyễn Thị Đ và không có yêu cầu gì. Đối với đất 2L thuộc thửa số 04, 304 tờ bản đồ số 06, bà không có yêu cầu. Cha mẹ bà không có con riêng hay con nuôi. Ông bà nội ngoại đã mất từ lâu.

** Tại bản tự khai ngày 24/5/2017 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Đ (mất năm 2005) và bà Lê Thị Ch (mất năm 2003) có các người con như nguyên đơn Nguyễn Văn Đ trình bày. Cha mẹ bà có để lại tài sản như ông Nguyễn Văn Đ trình bày. Nay ông Đ yêu cầu chia tài sản

thừa kế là thửa đất 309 tờ bản đồ số 02 xã Diên Lạc, diện tích 172 m² (thực tế đo vẽ là 205,7 m²) nói trên và tài sản có trên đất thì bà hoàn toàn nhất trí.

Bà yêu cầu được nhận khối tài sản nêu trên và bà sẽ hoàn tiền đối với kỷ phần của các người có quyền lợi nghĩa vụ được hưởng là:

- Kỷ phần của ông Ngh được hưởng là vợ và các con của ông Nguyễn Văn Ngh (vợ ông Ngh là bà Nguyễn Thị Thu N; các con ông Ngh là Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Nhung H, Nguyễn Thanh H).

- Bà Nguyễn Thị T.

Bà đồng ý nhận phần tài sản do bà Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn Đ giao cho bà. Đối với đất 2L thuộc thửa số 04, 304 tờ bản đồ số 06, bà không có yêu cầu. Cha mẹ bà không có con riêng hay con nuôi. Ông bà nội ngoại đã mất từ lâu.

** Tại bản tự khai ngày 18/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Ông bà nội bà là ông Nguyễn Đ (mất năm 2005) và bà Lê Thị Ch (mất năm 2003) có các người con như nguyên đơn Nguyễn Văn Đ trình bày. Ông bà nội của bà có để lại tài sản như ông Nguyễn Văn Đ trình bày. Cha bà là Nguyễn Văn Ngh (mất năm 2004) lấy mẹ bà là bà Nguyễn Thị Thu N có 03 người con là bà Nguyễn Thị Thanh H, em bà là Nguyễn Thị Nhung H và Nguyễn Thanh H.

Nay ông Đ yêu cầu chia tài sản thừa kế là thửa đất 309 tờ bản đồ số 02 xã Diên Lạc, diện tích 172 m² (thực tế đo vẽ là 205,7 m²) nói trên và tài sản có trên đất thì bà hoàn toàn nhất trí. Bà yêu cầu bà và mẹ bà (Nguyễn Thị Thu N) và các em (Nguyễn Thị Nhung H, Nguyễn Thanh H) được nhận phần đất đối với kỷ phần của cha bà được hưởng. Đối với đất 2L thuộc thửa số 04 và 304 tờ bản đồ số 06, bà không có yêu cầu. Cha bà không có con riêng hay con nuôi. Ông bà cố nội ngoại đã mất từ lâu.

** Tại bản tự khai ngày 18/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nhung H trình bày:*

Bà thống nhất như lời trình bày của chị bà là Nguyễn Thị Thanh H.

Nay ông Đ yêu cầu chia tài sản thừa kế là thửa đất 309 tờ bản đồ số 02 xã Diên Lạc, diện tích 172 m² (thực tế đo vẽ là 205,7 m²) nói trên và tài sản có trên đất thì bà hoàn toàn nhất trí. Bà yêu cầu bà và mẹ bà (Nguyễn Thị Thu N) và chị em bà (Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thanh H) được nhận phần đất đối với kỷ phần của cha bà được hưởng, bà không đồng ý nhận tiền. Đối với đất 2L thuộc thửa số 04, 304 tờ bản đồ số 06, bà không có yêu cầu. Cha bà không có con riêng hay con nuôi. Ông bà cố nội ngoại đã mất từ lâu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu N và Nguyễn Thanh H:* Đã được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định để tiến hành giải quyết vụ án

** Ý kiến của Viện kiểm sát:* Phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xem xét chia theo kỷ phần theo quy

định của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Bà Nguyễn Thị Thu N, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Nhung H, ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu N, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Nhung H, ông Nguyễn Thanh H

[2] Xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời điểm mở thừa kế và thời hạn khởi kiện:

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận tài sản yêu cầu chia thừa kế là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 02, xã Diên Lạc, diện tích 172 m² (trong đó có 127 m² đất ONT và 45 m² đất CLN), diện tích đo vẽ thực tế là 205, 7 m² là tài sản của ông Nguyễn Đ và bà Lê Thị Ch. Ông Đ và bà Ch có 07 người con gồm Nguyễn Văn Ngh (chết năm 2004), Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Minh T (chết năm 2011, không có vợ con) và Nguyễn Thị Đ.

Ông Nguyễn Đ chết ngày 24/12/2005 nên xác định thời điểm mở thừa kế đối với ông Đ là ngày ông Đ chết. Bà Lê Thị Ch chết ngày 10/8/2003 nên xác định thời điểm mở thừa kế đối với bà Ch là ngày bà Ch chết.

- Thời hạn khởi kiện: Ngày 30/3/2017, ông Nguyễn Văn Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 02, xã Diên Lạc còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xác định loại thừa kế và người thừa kế:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thì ông Nguyễn Đ và bà Lê Thị Chn chết đều không để lại di chúc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015, di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

Ông Nguyễn Đ và bà Lê Thị Ch có 07 người con gồm:

1. Nguyễn Văn Ngh (mất năm 2004);
2. Nguyễn Văn Đ;
3. Nguyễn Văn Ng;
4. Nguyễn Thị O;
5. Nguyễn Thị Đ;
6. Nguyễn Thị T;
7. Nguyễn Văn T (chết năm 2011 và chưa có vợ con).

Ông Nguyễn Văn Ngh có vợ là Nguyễn Thị Thu N, các con: Nguyễn Thị Nhung H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thanh H.

Như vậy, xác định hàng thừa kế được hưởng di sản là ông Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị T. Thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Ngh là bà Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Nhung H và Nguyễn Thanh H.

[5] Về di sản thừa kế:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thì tài sản thừa kế của ông Nguyễn Đ và bà Lê Thị Ch gồm:

- Thừa số 309, tờ bản đồ 02 tại xã Diên Lạc, diện tích 172m² (trong đó có 127 m² đất thổ cư, 45 m² đất CLN), thực tế đo vẽ là 205,7 m²;
- Đất 2L thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 06, diện tích 825 m²;
- Đất 2L thuộc thửa số 304, tờ bản đồ số 06, diện tích 255 m².

Tuy nhiên, các đương sự chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa số 309, tờ bản đồ 02 tại xã Diên Lạc, diện tích 172m² (trong đó có 127 m² đất thổ cư, 45 m² đất CLN), thực tế đo vẽ là 205,7 m² và các tài sản có trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, móng đá, nền xi măng, tường xây gạch dày 100 + 200, nhà quét vôi, cửa gỗ, mái ngói, có vệ sinh, diện tích xây dựng 69,9 m²; Sân lát xi măng diện tích xây dựng 35,1 m²; 01 giếng khoan. Do đó tòa án chỉ xem xét chia di sản thừa kế đối với yêu cầu của các đương sự. Khi đo vẽ thực tế thì diện tích có biến động tăng hơn so với thực tế nên Tòa án chỉ xem xét đối với phần diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần diện tích biến động tăng, đương sự cần liên hệ với các cơ quan chức năng để đăng ký theo quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ tài chính hướng dẫn nghị định 45/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền sử dụng đất có hiệu lực từ ngày 20/3/2018 quy định “...nộp tiền sử dụng đất với phần diện tích tăng thêm theo chính sách và giá đất tại thời điểm đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...”.

Di sản thừa kế có giá trị như sau:

- Thửa đất 309, tờ bản đồ số 02 tại thôn Thanh Minh 3, xã Diên Lạc huyện Diên Khánh có diện tích 172 m²:

Đất thổ: 127 m² x 3.000.000 đồng/m² = 381.000.000 đồng

Đất CLN: 45 m² x 1.800.000 đồng/m² = 81.000.000 đồng.

- Tài sản trên đất gồm:

+ 01 căn nhà cấp 4, móng đá, nền xi măng, tường xây gạch dày 100 + 200, nhà quét vôi, cửa gỗ, mái ngói, có vệ sinh, diện tích xây dựng 69,9 m²:

69,9 m² x 2.034.000 đồng/m² x 60% = 85.305.960 đồng.

+ Sân lát xi măng diện tích xây dựng 35,1 m²:

35,1 m² x 124.000 đồng/m² x 60% = 2.611.440 đồng.

+ 01 giếng khoan giá 1.938.000 đồng.

Tổng trị giá di sản tranh chấp là: 551.855.400 đồng (năm trăm năm mươi một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng).

[6] Về phân chia di sản thừa kế:

Những người được hưởng thừa kế bao gồm:

[6.1] Do ông Nguyễn Văn Ngh chết sau bà Nguyễn Thị Ch và chết trước ông Nguyễn Đ, nên bà Nguyễn Thị Thu N chỉ được hưởng 01 phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Ch sau khi ông Ngh chết.

Cụ thể: Sau khi bà Nguyễn Thị Ch qua đời (năm 2003), phần tài sản của bà Chiền chia làm 07 phần cho các người thừa kế gồm: ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn Văn Ngh, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T. Đến năm 2004, ông Nguyễn Văn Ngh chết thì 1/7 phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Ch chia làm 04 phần cho bà Nguyễn Thị Thu N, bà Nguyễn Thị Nhung H, bà Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thanh H.

[6.2] Năm 2005, ông Nguyễn Đ qua đời thì phần tài sản của ông Đ chia làm 06 phần cho các người thừa kế gồm: ông Nguyễn Văn Đ 01 phần, ông Nguyễn Văn Ng 01 phần, bà Nguyễn Thị O 01 phần, bà Nguyễn Thị Đ 01 phần, bà Nguyễn Thị T 01 phần và các cháu của ông Đ là bà Nguyễn Thị Nhung H, bà Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thanh H được 01 phần.

Bà Nhung H và bà Thanh H yêu cầu được nhận phần đất theo kỷ phần của cha bà. Tuy nhiên, theo quy định về diện tích tách thửa tối thiểu, thửa đất tranh chấp không đủ điều kiện tách thửa nên bà N, bà Thanh H, bà Nhung H, ông H được hưởng di sản bằng tiền.

- Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T được hưởng mỗi người một phần di sản thừa kế. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị O chuyển quyền hưởng di sản cho bà Nguyễn Thị Đ và không có yêu cầu nhận tiền. Bà Nguyễn Thị T chuyển quyền hưởng di sản cho bà Nguyễn Thị Đ và yêu cầu chia bằng tiền.

[7] Cụ thể phần tài sản các đương sự được hưởng như sau:

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: 551.855.400 đồng. (năm trăm năm mươi một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng).

Năm 2003 bà Lê Thị Ch chết thì $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản của bà Ch là:

$551.855.400 \text{ đồng} : 2 = 275.927.700 \text{ đồng}$ (hai trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng).

[7.1] Tại phân tích [6.1] thì phần của bà Ch chia làm 07 phần, mỗi phần các người thừa kế được nhận là:

$275.927.700 \text{ đồng} : 7 = 39.418.242 \text{ đồng}$ (ba mươi chín triệu bốn mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng).

- Ông Nguyễn Đ được nhận: 39.418.242 đồng;
- Ông Nguyễn Văn Ngh được nhận: 39.418.242 đồng;
- Ông Nguyễn Văn Đ được nhận: 39.418.242 đồng;
- Ông Nguyễn Văn Ng được nhận: 39.418.242 đồng;
- Bà Nguyễn Thị O được nhận: 39.418.242 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Đ được nhận: 39.418.242 đồng;
- Bà Nguyễn Thị T được nhận: 39.418.242 đồng;

* Năm 2004, ông Nguyễn Văn Ngh chết, phần tài sản của ông được nhận được chia cho vợ và các con như sau:

$39.418.242 \text{ đồng} : 4 = 9.854.560 \text{ đồng}$ (chín triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thu N được nhận: 9.854.560 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Thanh H được nhận: 9.854.560 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Nhung H được nhận: 9.854.560 đồng;
- Ông Nguyễn Thanh H được nhận: 9.854.560 đồng.

[7.2] Năm 2005, ông Nguyễn Đ chết, phần tài sản của ông là:

275.927.700 đồng + 39.418.242 đồng = 315.345.942 đồng (*ba trăm mười lăm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng*).

* Tại phân tích [6.2] thì phần của ông Đ được chia làm 06 phần, mỗi phần các thừa kế được hưởng như sau:

315.345.942 đồng : 6 = 52.557.657 đồng (*năm mươi hai triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng*). Cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Đ được nhận: 52.557.657 đồng;
- Ông Nguyễn Văn Ng được nhận: 52.557.657 đồng;
- Bà Nguyễn Thị O được nhận: 52.557.657 đồng;
- Bà Nguyễn Thị T được nhận: 52.557.657 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Đ được nhận: 52.557.657 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Nhung H, bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Thanh H được nhận: 52.557.657 đồng. Mỗi người được nhận: 17.519.219 đồng (*mười bảy triệu năm trăm mười chín nghìn hai trăm mười chín đồng*).

[7] Như vậy, tổng giá trị bằng tiền các người thừa kế được hưởng từ tài sản của ông Nguyễn Đ và bà Lê Thị Ch như sau:

- Ông Nguyễn Văn Đ được nhận:
39.418.242 đồng + 52.557.657 đồng = 91.975.899 đồng;
- Ông Nguyễn Văn Ng được nhận:
39.418.242 đồng + 52.557.657 đồng = 91.975.899 đồng;
- Bà Nguyễn Thị O được nhận:
39.418.242 đồng + 52.557.657 đồng = 91.975.899 đồng;
- Bà Nguyễn Thị T được nhận:
39.418.242 đồng + 52.557.657 đồng = 91.975.899 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Đ được nhận:
39.418.242 đồng + 52.557.657 đồng = 91.975.899 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Nhung H được nhận:
9.854.560 đồng + 17.519.219 đồng = 27.373.779 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Thanh H được nhận:
9.854.560 đồng + 17.519.219 đồng = 27.373.779 đồng;
- Ông Nguyễn Thanh H được nhận:
9.854.560 đồng + 17.519.219 đồng = 27.373.779 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Thu N được nhận:
9.854.560 đồng.

[8] Do bà Nguyễn Thị Đ là hàng thừa kế thứ nhất, có nguyện vọng được nhận tài sản của cha mẹ để lại và được sự thống nhất của các anh chị em trong gia đình nên cần giao tài sản tranh chấp cho bà Đ. Các ông bà Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị O đồng ý giao tài sản cho bà Đ và không có yêu cầu nhận giá trị bằng tiền. Đối với bà Nguyễn Thị T đồng ý giao tài sản cho bà Đ và có yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền. Đối với bà Nguyễn Thị Nhung H và bà Nguyễn Thị Thanh H có yêu cầu nhận hiện vật nhưng không thể chia tách theo quy định nên chỉ có thể nhận được bằng tiền. Do vậy, cần giao cho bà đồng quyền sử dụng đối với tài sản tranh chấp, bà Đ có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền đối với kỷ phần di sản chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị T và các ông bà Nguyễn Thị Thu N,

Nguyễn Thị Nhung H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thanh H (là hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Ngh).

[9] Về chi phí định giá: Ông Nguyễn Văn Đ bà Nguyễn Thị Đ đã tạm ứng và không có yêu cầu gì nên không xét.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu N, bà Nguyễn Thị Nhung H, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Thanh H; bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí đối với giá trị di sản được hưởng. Đối với bà Nguyễn Thị Đ phải chịu phần án phí đối với giá trị tài sản của bà được hưởng và án phí đối với phần giá trị tài sản bà được nhận từ các ông bà Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị O.

Cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu:

$(91.975.899 \text{ đồng} \times 4) \times 5\% = 18.395.180 \text{ đồng}.$

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu:

$91.975.899 \times 5\% = 4.589.795 \text{ đồng}$

- Bà Nguyễn Thị Nhung H phải chịu:

$27.373.779 \text{ đồng} \times 5\% = 1.368.689 \text{ đồng}$

- Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu:

$27.373.779 \text{ đồng} \times 5\% = 1.368.689 \text{ đồng}$

- Ông Nguyễn Thanh H phải chịu:

$27.373.779 \text{ đồng} \times 5\% = 1.368.689 \text{ đồng}$

- Bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu:

$9.854.560 \text{ đồng} \times 5\% = 492.728 \text{ đồng}.$

Do ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí nên hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Đ 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 611; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Đ và bà Lê Thị Ch để lại mà các bên yêu cầu chia là:

- Thừa số 309, tờ bản đồ 02 tại xã Diên Lạc, diện tích 172m^2 (trong đó có 127m^2 đất thổ cư, 45m^2 đất CLN), thực tế đo vẽ là $205,7\text{m}^2$;

- Các tài sản có trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, móng đá, nền xi măng, tường xây gạch dày 100 + 200, nhà quét vôi, cửa gỗ, mái ngói, có vệ sinh, diện tích xây dựng $69,9\text{m}^2$; Sân lát xi măng diện tích xây dựng $35,1\text{m}^2$; 01 giếng khoan.

3. Giao cho bà Đg quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 309, tờ bản đồ 02 tại xã Diên Lạc, diện tích 172m² (trong đó có 127 m² đất thổ cư, 45 m² đất CLN), thực tế đo vẽ là 205,7 m² và các tài sản có trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, móng đá, nền xi măng, tường xây gạch dày 100 + 200, nhà quét vôi, cửa gỗ, mái ngói, có vệ sinh, diện tích xây dựng 69,9 m²; Sân lát xi măng diện tích xây dựng 35,1 m²; 01 giếng khoan. (có bản vẽ kèm theo bản án)

4. Bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần cho các hàng người thừa kế bằng tiền như sau:

- Bà Nguyễn Thị T 91.975.899 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Nhung H 27.373.779 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Thanh H 27.373.779 đồng;
- Ông Nguyễn Thanh H 27.373.779 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Thu N 9.854.560 đồng.

5. Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm như sau:

- Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 18.395.180 đồng;
- Bà Nguyễn Thị T phải nộp 4.589.795 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Nhung H phải nộp 1.368.689 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 1.368.689 đồng;
- Ông Nguyễn Thanh H phải nộp 1.368.689 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Nhu N phải nộp 492.728 đồng.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Đ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018057 ngày 25/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh.

6. Đối với phần diện tích biến động tăng 33,7 m² đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đương sự cần liên hệ với các cơ quan chức năng để đăng ký theo quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ tài chính hướng dẫn nghị định 45/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền sử dụng đất.

7. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Lưu

Võ Đức Thuận